# HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VIDEO TRONG DẠY VÀ HỌC NGỮ PHÁP TRONG LỚP HỌC NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

**TRƯƠNG NHƯ NGỌC**
**Trường Đại học An Giang,**
**Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

*Nhận bài ngày 08/3/2025. Sửa chữa xong 14/3/2025. Duyệt đăng 23/3/2025.*

***Abstract***

*Some Vietnamese students often feel bored and rarely participate in activities during grammar lessons. Many researchers are interested in the topic of using video in teaching and learning grammar because it brings many benefits to students and teachers. This descriptive study aims to explore the effectiveness of using video in grammar teaching and learning such as encouraging students to actively learn and helping teachers innovate grammar teaching methods.*

***Keywords:*** *Grammar, teaching methods, effectiveness, students.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn với sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ, các bạn trẻ luôn muốn có được năng lực sử dụng ngoại ngữ tốt để dễ tiếp cận với khoa học và công nghệ, giúp họ có nhiều cơ hội việc làm, cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên môn và tiếp cận những xu hướng phát triển trên thế giới. Mặc dù sinh viên (SV) được tiếp cận và học Tiếng Anh (TA) rất sớm từ bậc tiểu học nhưng đa số không thể giao tiếp bằng TA trôi chảy và tự tin trong giao tiếp thực tế. Các em thường thấy khó khăn để hiểu, nhớ và áp dụng những cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp thực tế, thường cảm thấy buồn chán, không có động lực, không quan tâm đến việc học trong giờ học TA, đặc biệt là ngữ pháp. Đây cũng chính là thách thức đối với giáo viên (GV). Nhiệm vụ của GV là tìm hiểu lý do và tìm giải pháp cho vấn đề này giúp SV học TA tốt hơn.

Một trong những lý do có thể là phương pháp giảng dạy chưa phù hợp. Mặc dù phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp được GV áp dụng ở hầu hết các lớp học TA nhưng những bài học ngữ pháp luôn khó thu hút SV vì nó được dạy tách biệt khỏi ngữ cảnh. Vì thế các phương pháp giảng dạy truyền thống thường làm SV nhàm chán. Nguyen (2021) nhận xét trong một số lớp học thực tế, các bài học ngữ pháp TA có xu hướng kém hấp dẫn hơn so với các khía cạnh khác của việc học TA vì chúng thường được dạy mà không liên quan đến bối cảnh thực tế. Điều này tạo ra một khoảng cách đáng kể giữa kiến thức TA trên lớp của SV và khả năng sử dụng nó một cách hiệu quả trong các tình huống thực tế [1, tr. 54]. Ngoài ra, GV thường giảng dạy dựa vào sách giáo khoa là chính mà sách giáo khoa cũng có một vài khuyết điểm. İlin, Kutlu và Kutluay (2013) phát biểu vấn đề thường gặp nhất là việc trình bày ngữ pháp trong sách giáo khoa được đánh giá là phi ngữ cảnh vì sách giáo khoa thường không cung cấp bối cảnh thực sự cần thiết để người học nắm bắt tầm quan trọng giao tiếp của một khái niệm ngữ pháp. Các bài tập trong sách giáo khoa cũng bỏ lỡ các khía cạnh giao tiếp phi ngôn ngữ, chẳng hạn như ngôn ngữ cơ thể, nét mặt, cử chỉ và cảm xúc. Những hạn chế này làm nổi bật sự cần thiết của các thiết bị hỗ trợ nghe nhìn [2]. Một trong những cách đổi mới phương pháp giảng dạy là sử dụng video trong giờ dạy ngữ pháp vì video là phương tiện giảng dạy tạo ra sự phấn khích cho SV. Sử dụng hình ảnh và âm thanh, video là phương tiện hoàn hảo cho những SV có cách học thính giác hoặc thị giác. Rustambekovna & Adambayevna (2020) đề nghị để giải quyết các thách thức trong giảng dạy, GV luôn tìm kiếm những cách sáng tạo để cải thiện việc dạy-học ngôn ngữ. Với những tiến bộ

*Email: tnngoc@agu.edu.vn*

công nghệ, việc sử dụng video như một công cụ để hỗ trợ giáo dục ngôn ngữ đã trở thành một thực tiễn phổ biến của các nhà giáo dục ngôn ngữ [3, tr. 109]. Hai vấn đề thôi thúc tác giả thực hiện nghiên cứu này là việc sử dụng video trong dạy - học ngữ pháp mang lại những hiệu quả gì và việc sử dụng video trong dạy ngữ pháp có làm SV bớt nhàm chán và kích thích SV tham gia tích cực vào quá trình dạy - học. Tìm được câu trả lời cho những câu hỏi này sẽ giúp tác giả nghiên cứu và sử dụng video trong dạy ngữ pháp thành công tại Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Nội dung nghiên cứu**

***2.1. Tầm quan trọng của ngữ pháp trong dạy và học Tiếng Anh***

Ngữ pháp đóng một vai trò rất quan trọng trong quá trình dạy - học TA. Cam và Trần (2017) khẳng định "Có kiến thức ngữ pháp tốt là rất quan trọng vì khó có thể phát triển những kỹ năng ngôn ngữ mà không cần có kiến thức ngữ pháp. GV nên giúp SV lĩnh hội kiến thức ngữ pháp thông qua những ngữ cảnh có ý nghĩa" [4, tr. 58]. Widodo (2006) cho rằng, ngữ pháp trở nên nổi bật trong giảng dạy ngôn ngữ, đặc biệt là TA như một ngoại ngữ và TA như ngôn ngữ thứ hai, vì nếu không có kiến thức tốt về ngữ pháp, sự phát triển ngôn ngữ của SV sẽ bị hạn chế nghiêm trọng. Hơn nữa, ngữ pháp được cho là cung cấp cơ sở cho một tập hợp các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết [5]. Widodo (2006) phát biểu mục tiêu chính của dạy ngữ pháp là trang bị cho SV sự hiểu biết về cách ngôn ngữ được cấu trúc, đảm bảo họ có thể dễ dàng áp dụng ngôn ngữ mình đang học trong nghe, nói, đọc và viết. Do đó, GV ngôn ngữ phải đối mặt với thách thức trong việc sử dụng các phương pháp sáng tạo và cải tiến để dạy ngữ pháp hiệu quả. Về cơ bản, bất kể bài tập được giao là gì, điều quan trọng là GV phải cho SV cơ hội tạo ra các điểm ngữ pháp bằng cách sử dụng các câu đúng cú pháp và ngữ nghĩa với từ vựng phù hợp [5].

***2.2. Các phương pháp giảng dạy ngữ pháp***

Có nhiều phương pháp giảng dạy ngôn ngữ như phương pháp dịch thuật ngữ pháp, phương pháp trực tiếp, phương pháp âm thanh - ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Để giảng dạy ngữ pháp, GV thường hay chọn phương pháp dịch thuật ngữ pháp, một phương pháp truyền thống, được cho là không mang lại nhiều lợi ích cho người học trong giao tiếp thực tế. Một số nhà nghiên cứu ngôn ngữ khác lại cho rằng nên dạy ngữ pháp theo một số cách tiếp cận. Widodo (2006) chỉ ra "Trong giảng dạy ngữ pháp có hai cách tiếp cận được áp dụng đó là: suy diễn và quy nạp" [5, tr. 126].

*2.2.1. Cách tiếp cận suy diễn*

Widodo (2006) cho rằng khi nói đến việc giảng dạy ngữ pháp, phương pháp suy diễn được gọi là học tập theo quy tắc. Phương pháp này đòi hỏi GV phải giải thích rõ ràng một quy tắc ngữ pháp cho SV, sau đó cho họ thực hành để áp dụng nó [5].

*a. Ưu và nhược điểm của cách tiếp cận suy diễn:* Theo Widodo (2006) cách tiếp cận suy diễn có 5 lợi ích: **-** Cách tiếp cận suy diễn đi thẳng vào vấn đề và do đó có thể tiết kiệm thời gian; - Một số khía cạnh quy tắc (ví dụ, hình thức) có thể được giải thích đơn giản và rõ ràng hơn là được rút ra từ các ví dụ; - Một số ví dụ thực hành/ứng dụng trực tiếp được đưa ra ngay lập tức; - Cách tiếp cận suy diễn tôn trọng trí thông minh và sự trưởng thành của nhiều người học trưởng thành nói riêng và thừa nhận vai trò của các quá trình nhận thức trong việc tiếp thu ngôn ngữ; - Khẳng định kỳ vọng của nhiều người học về việc học trên lớp, đặc biệt là đối với những người có phong cách phân tích [5]. Bên cạnh đó, Widodo (2006) cũng chỉ ra 5 bất lợi của cách tiếp cận suy diễn: - Bắt đầu bài học với một bài thuyết trình ngữ pháp có thể gây khó chịu cho một số người học, đặc biệt là những người nhỏ tuổi; - Những người học nhỏ tuổi có thể không hiểu được các khái niệm hoặc gặp phải các thuật ngữ ngữ pháp được đưa ra; - Giải thích ngữ pháp khuyến khích một lớp học theo kiểu truyền dẫn, do GV đứng đầu, vì vậy nó sẽ cản trở sự tham gia và tương tác của người học ngay lập tức; - Lời giải thích hiếm khi đáng nhớ như các hình thức trình bày khác (ví dụ, trình diễn); - Cách tiếp cận suy diễn khuyến khích niềm tin rằng học một ngôn ngữ chỉ đơn giản là một trường hợp biết quy tắc [5].

*2.2.2. Cách tiếp cận quy nạp*

Widodo (2006) phát biểu trong bối cảnh giảng dạy ngữ pháp, nhiều chuyên gia cho rằng phương

pháp quy nạp có thể được gọi là học khám phá quy tắc. Phương pháp này liên quan đến việc bắt đầu với các ví dụ về câu để dạy ngữ pháp. Thông qua những ví dụ này, người học phân biệt các quy tắc ngữ pháp. Việc trình bày các quy tắc này có thể bằng miệng hoặc bằng văn bản [5].

*Ưu và nhược điểm của cách tiếp cận quy nạp:* Widodo (2006) cho rằng có 5 ưu điểm của cách tiếp cận quy nạp: - Người học được đào tạo để làm quen với việc khám phá quy tắc; điều này có thể tăng cường khả năng tự chủ học tập và tự lực; - Mức độ nhận thức của người học phát triển cao hơn; - Người học chủ động hơn trong quá trình học tập, thay vì chỉ đơn giản là những người tiếp nhận thụ động và họ sẽ được tạo động lực; - Cách tiếp này cận liên quan đến khả năng nhận dạng mẫu câu và giải quyết vấn đề của người học; - Nếu hoạt động giải quyết vấn đề được thực hiện một cách hợp tác, người học sẽ có cơ hội thực hành thêm ngôn ngữ [5]. Song song đó, Widodo (2006) cũng chỉ ra 5 nhược điểm của cách tiếp cận này: - Cách tiếp cận này tốn thời gian và năng lượng vì nó khiến người học có khái niệm phù hợp về quy tắc; - Các khái niệm được đưa ra ngầm có thể khiến người học có những khái niệm sai về quy tắc được dạy; - Cách tiếp cận có thể nhấn mạnh vào GV trong việc lập kế hoạch cho một bài học; - Khuyến khích GV thiết kế dữ liệu hoặc tài liệu được giảng dạy cẩn thận và có hệ thống; - Cách tiếp cận này có thể làm người học thất vọng với phong cách học tập cá nhân của họ hoặc kinh nghiệm học tập trong quá khứ của họ (hoặc cả hai) chỉ đơn giản là được cho biết quy tắc [5, tr. 128]. Để góp phần giải quyết vấn đề tạo hứng thú và khuyến khích SV tham gia vào quá trình dạy-học thì cách tiếp cận quy nạp được xem là phù hợp hơn.

***2.3. Khái quát về sử dụng video trong dạy - học ngôn ngữ***

Trong những năm gần đây, việc sử dụng video trong giảng dạy ngôn ngữ đã phát triển và trở nên phổ biến vì video có thể tạo động lực học tập cho SV và nâng cao kỹ năng giao tiếp của họ. İlin, Kutlu và Kutluay (2013) nói rằng, một công cụ đa phương tiện phổ biến có cả nội dung hình ảnh và âm thanh là video. Có thể nêu những ưu điểm của video thông qua việc sử dụng các thuật ngữ "đa dạng", "tiện nghi" và "sáng tạo". Video có thể hữu ích đặc biệt để tạo ra sự tò mò và khơi dậy sự quan tâm của người học [2, tr. 273]. Video giúp SV trở nên chủ động trong học tập. Rustambekovna & Adambayevna (2020) đề nghị GV nên định hướng và thu hút sự chú ý của SV vào nội dung video để nâng cao khả năng hiểu biết. Cách tiếp cận này sẽ thúc đẩy SV trở nên chủ động thay vì thụ động bằng cách tăng cường sự tham gia của họ và giảm số lượng SV thờ ơ trong học tập. Ngoài ra, GV nên nhớ sử dụng video như một công cụ quan trọng cùng với các tài nguyên khác, tích hợp nó vào chương trình giảng dạy ngôn ngữ [3]. Bên cạnh đó, Rustambekovna & Adambayevna (2020) chỉ ra hiệu quả sử dụng video trong dạy và học ngoại ngữ: - Video giúp thay đổi và làm mới bầu không khí lớp học; - Mang đến cơ hội thực hành một số hoạt động và các hoạt động nhóm; - Mở rộng cuộc thảo luận giữa GV và SV; - Thông qua việc tiếp tục thảo luận, video giúp chuyển không khí lớp học từ thụ động sang năng động; - Video kích thích SV thụ động hoặc ít nói chuyện tham gia hoạt động của lớp học; - Giúp SV và thậm chí cả GV nghỉ ngơi, thư giãn và tận hưởng quá trình dạy và học [3].

***2.4. Lợi ích sử dụng video trong dạy - học ngữ pháp***

Sử dụng video trong dạy - học ngữ pháp mang đến nhiều lợi ích cho GV và SV: - Áp dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật và dĩ nhiên nó có những ưu điểm vượt trội hơn sách giáo khoa. Kurniawati (2013) cho rằng, sử dụng YouTube video như một phương tiện để dạy ngữ pháp thì hiệu quả hơn sách giáo khoa [6, tr. 59]; - Sử dụng video có thể khuyến khích SV tham gia vào quá trình dạy và học trong lớp học. İlin, Kutlu và Kutluay (2013) phát biểu việc sử dụng các video để giảng dạy ngữ pháp đã thúc đẩy SV tham gia vào các bài học [2, tr. 279]; - Video với âm thanh và hình ảnh sinh động sẽ tạo hứng thú cho SV. Silalahi và Halimi (2020) cho rằng, SV thấy việc học dựa trên video rất thú vị, cho thấy video là một công cụ có giá trị để dạy ngữ pháp trong lớp học [7, tr. 548]; - Sử dụng video trong dạy ngữ pháp có thể cải thiện điểm số và thành tích học tập. Ibrahim (2013) nhận định SV được học ngữ pháp dựa trên video thì vượt trội hơn những SV được dạy thông qua các phương pháp truyền thống [8]; - Sử dụng video trong dạy ngữ pháp ngữ pháp giúp GV đổi mới phương pháp giảng dạy. Ibrahim (2013) khuyến nghị rằng GV TA nên giảm sự phụ thuộc vào các phương pháp giảng dạy ngữ pháp truyền thống và

thường xuyên sử dụng cách tiếp cận đa phương thức, đặc biệt là các bài thuyết trình video, cho các bài học ngữ pháp [8, tr. 164].

***2.5. Một vài nghiên cứu về sử dụng video trong dạy - học ngữ pháp***

Nhiều nghiên cứu chứng minh giá trị tuyệt vời của việc sử dùng video trong dạy - học ngữ pháp.

İlin, Kutlu và Kutluay (2013) thực hiện một nghiên cứu hành động về sử dụng video để dạy ngữ pháp trong một lớp học TA cho mục đích cụ thể. Họ cho rằng giảng dạy ngữ pháp đặt ra những thách thức cho nhiều nhà giáo dục ngôn ngữ trên toàn cầu, đặc biệt là trong các lớp học TA cho mục đích cụ thể như đã được chứng minh bởi các nghiên cứu trước đây. Nghiên cứu hành động này với mục đích điều tra tác động tiềm ẩn của việc sử dụng video để dạy ngữ pháp rõ ràng trong bối cảnh TA cho mục đích cụ thể. Sách dành cho khóa học truyền thống thường không thu hút được SV, những người nhận thấy các hoạt động trong sách không liên quan và tẻ nhạt. Do đó, nghiên cứu này khám phá sự tích hợp của công nghệ, cụ thể là video để giải quyết vấn đề này trong giảng dạy ngữ pháp TA cho mục đích cụ thể. Họ đưa ra kết quả như sau: việc sử dụng các video để giảng dạy ngữ pháp đã thúc đẩy SV tham gia vào các bài học; SV bắt đầu xem video thông qua phần mềm xã hội và yêu cầu GV tải lên các video mới cho mục đích tự học; bằng cách sử dụng các công nghệ mới trong lớp học ngôn ngữ, GV có thể chuẩn bị cho SV các loại tương tác đa văn hóa quốc tế ngày càng được yêu cầu để thành công trong học tập, nghề nghiệp hoặc cuộc sống cá nhân [2].

Ibrahim (2013) đã nghiên cứu hiệu quả của các kỹ thuật trình bày video trong việc giảng dạy cấu trúc ngữ pháp cho học sinh trung học phổ thông ở Bang Sokoto, Nigeria. Mục đích chính là xác định xem việc sử dụng các hoạt động video cho các bài học ngữ pháp có nâng cao khả năng học tập của học sinh về cụm danh từ, tính từ và trạng từ hay không. Đối tượng nghiên cứu gồm 400 học sinh được chọn từ 6 trường THPT ở bang Sokoto. Công cụ nghiên cứu là thiết kế bán thử nghiệm trước khi thử nghiệm và sau khi thử nghiệm và sáu nhóm đã được đánh giá trước và sau khi thực hiện nghiên cứu. Kết quả, học sinh trong các nhóm thí nghiệm, những người được học ngữ pháp dựa trên video thì vượt trội hơn những học sinh trong nhóm đối chứng, những người được dạy thông qua các phương pháp truyền thống, trong việc học cụm tính từ, trạng từ và danh từ. Người nghiên cứu khuyến nghị rằng, GV TA nên giảm sự phụ thuộc vào các phương pháp giảng dạy truyền thống và thay vào đó thường xuyên sử dụng cách tiếp cận đa phương thức, đặc biệt là các bài thuyết trình video, cho các bài học ngữ pháp [8].

Mục đích nghiên cứu của Kurniawati (2013) nhằm khám phá tác động của việc sử dụng video YouTube để dạy ngữ pháp TA. Nghiên cứu được thực hiện tại Chương trình Giáo dục tiếng Anh ở Lampung vào năm 2012. Đối tượng nghiên cứu gồm tất cả SV học kỳ đầu tiên theo học chương trình. Tổng cộng có 72 SV được chỉ định ngẫu nhiên vào một nhóm thử nghiệm, được giảng dạy bằng video YouTube và một nhóm đối chứng, được giảng dạy bằng sách giáo khoa. Các công cụ thu thập dữ liệu bao gồm một bảng câu hỏi để xác định thái độ của SV (tích cực hoặc tiêu cực) và một bài kiểm tra ngữ pháp để đánh giá thành tích học ngữ pháp của họ. Kết quả tìm thấy: 1) Sử dụng video trên YouTube để dạy ngữ pháp thì hiệu quả hơn sách giáo khoa; 2) SV có thái độ học tập tích cực đạt điểm cao hơn những SV có thái độ tiêu cực; 3) Có sự tương tác giữa phương tiện giảng dạy và thái độ của SV [6].

Mufidah (2017) nghiên cứu tác động của hoạt động làm video đối với việc thành thạo ngữ pháp của SV. Cách tiếp cận truyền thống để dạy ngữ pháp thường thiếu hứng thú, dẫn đến SV không quan tâm. Giới thiệu ngữ pháp thông qua công nghệ có thể giúp thu hút sự chú ý của họ. Nghiên cứu này so sánh tác động của việc giảng dạy ngữ pháp bằng hai phương pháp: phương pháp thông thường và hoạt động làm video. Nghiên cứu có sự tham gia của 51 SV Khoa Tiếng Anh từ Viện Nghiên cứu Hồi giáo Nhà nước. Dữ liệu được thu thập thông qua các bài kiểm tra ngữ pháp và bảng câu hỏi về nhận thức của SV. Kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt đáng kể trong việc thành thạo ngữ pháp giữa SV được giảng dạy qua hoạt động làm video và những SV được dạy thông qua phương pháp thông thường. Tuy nhiên, kết quả bảng câu hỏi cho thấy SV thấy hoạt động làm video thú vị và nó nâng cao khả năng sáng tạo và kỹ năng công nghệ của họ [9].

Silalahi và Halimi (2020) đã nghiên cứu việc sử dụng video như một công cụ giáo dục trong một lớp ngữ pháp tiền trung cấp ở Tangerang, Indonesia. Sử dụng thiết kế bán thí nghiệm với nhóm kiểm soát

sau kiểm tra, hai lớp tiền trung cấp đã tham gia nghiên cứu. Thu thập dữ liệu bao gồm các bài kiểm tra trước, bài kiểm tra sau, bảng câu hỏi nhận thức của ngữ pháp về việc sử dụng video và các cuộc phỏng vấn. Nhóm thực nghiệm được giảng dạy dựa trên video, trong khi nhóm đối chứng sử dụng sách giáo khoa. Kết quả nghiên cứu cho thấy giảng dạy bằng video dẫn đến điểm số của SV cao hơn so với nhóm SV học sách giáo khoa. Bảng câu hỏi chỉ ra SV thấy việc học dựa trên video rất thú vị, cho thấy video là một công cụ có giá trị để dạy ngữ pháp trong lớp học [7].

***2.6. Một vài lưu ý khi sử dụng video trong dạy - học ngữ pháp***

Bên cạnh những hiệu quả của video, GV dạy TA cần chú ý khi sử dụng video trong dạy và học ngữ pháp. Trước tiên, GV nên chú ý việc lựa chọn video phù hợp với các chủ điểm ngữ pháp muốn truyền đạt cho SV. Rustambekovna & Adambayevna (2020) nhấn mạnh khi lựa chọn tài liệu video, GV nên đảm bảo nội dung phù hợp mục tiêu bài học, phù hợp với sở thích, nhu cầu và trình độ của người học. Ví dụ, GV không nên sử dụng video có phát âm khó nghe và không có phụ đề. Ngoài ra, GV nên chọn các video có thể được sử dụng một cách thích hợp và giúp người học đạt được thành công trong khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, vì nhiều video chứa nhiều yếu tố văn hóa khó hiểu đối với người học [3]. Hơn nữa, để sử dụng video trong giảng dạy hiệu quả, GV nên chuẩn bị thêm các hoạt động phù hợp với nội dung video và chủ điểm của bài học. Rustambekovna & Adambayevna (2020) đề nghị ba loại hoạt động chính: trước khi xem, trong khi xem và sau khi xem. Các hoạt động trước khi xem (liên quan đến những gì SV làm trước khi xem video) nhằm giới thiệu chủ đề của bài học. Các hoạt động xem trước có thể bao gồm: động não, thảo luận tiêu đề video, ghép từ vựng... Các hoạt động trong khi xem (liên quan đến những gì SV làm trong khi xem video) giúp tập trung vào những chủ điểm quan trọng của bài học. Các hoạt động trong khi xem có thể là hoạt động nghe, nhìn và giải thích; hoặc xem video và tắt âm thanh (SV trong một nhóm đoán nội dung, viết và trình bày nội dung; sau khi các nhóm trình bày thì cả lớp xem lại video với âm thanh, GV quyết định nhóm nào trình bày gần giống với bản gốc nhất, các hoạt động sau khi xem (liên quan đến những gì SV làm sau khi xem video) giúp SV học các chủ điểm hoặc nội dung bài học được giới thiệu trong video, giúp SV kết nối nội dung của video với trải nghiệm của mình. Các hoạt động sau khi xem video có thể là sắp xếp các sự kiện, quan sát và viết, hoạt động đồng ý/không đồng ý, viết một kết thúc thay thế... [3].

**3. Kết luận**

Giảng dạy ngữ pháp thật sự là một thách thức đối với GV bởi GV vừa phải đảm bảo truyền đạt kiến thức ngữ pháp vừa phải đổi mới phương pháp giảng dạy để khuyến khích SV tham gia vào quá trình dạy - học, giúp SV hiểu và sử dụng cấu trúc ngữ pháp để xây dựng câu đúng phù hợp ngữ cảnh trong thực tế. Chính việc sử dụng video để dạy ngữ pháp đã giúp GV làm được những điều đó. Bài nghiên cứu này trình bày tổng quan và phân tích cơ sở lý luận về tầm quan trọng của ngữ pháp, các cách tiếp cận giảng dạy ngữ pháp, việc sử dụng video trong quá trình dạy - học ngữ pháp giúp GV dạy TA nói chung, người nghiên cứu nói riêng hiểu rõ hiệu quả sử dụng video trong dạy - học ngữ pháp trong lớp học TA. Tóm lược các bài nghiên cứu trước đây chứng minh hiệu quả sử dụng video trong dạy - học ngữ pháp như sau: - Sử dụng video để dạy ngữ pháp thì hiệu quả hơn sách giáo khoa và nó là một công cụ có giá trị để dạy ngữ pháp trong lớp học TA; - SV nhận thấy việc học ngữ pháp qua video rất thú vị, thúc đẩy họ tham gia vào các bài học tích cực. Điều này cho thấy có sự tương tác giữa phương tiện giảng dạy và thái độ học tập của SV; - SV học ngữ pháp dựa trên video thì có kết quả học tập tốt hơn những SV học theo các phương pháp giảng dạy truyền thống; - GV TA nên giảm sự phụ thuộc vào các phương pháp giảng dạy truyền thống và thay vào đó thường xuyên sử dụng cách tiếp cận đa phương thức, đặc biệt là các bài thuyết trình video, cho các bài học ngữ pháp. Điều này giúp GV luôn cải tiến phương pháp dạy ngữ pháp; - Sử dụng các công nghệ mới trong lớp học ngôn ngữ, GV có thể chuẩn bị cho SV các loại tương tác đa văn hóa quốc tế ngày càng được yêu cầu để thành công trong học tập, nghề nghiệp hoặc cuộc sống cá nhân. Như vậy, GV nên sử dụng video trong dạy - học TA nói chung và ngữ pháp nói riêng vì nó mang đến nhiều hiệu quả tốt cho cả GV và SV. Để thành công trong việc sử dụng video trong dạy ngữ pháp, GV cần nghiên cứu kỹ lý thuyết, xem xét chọn lựa video phù hợp với những nội dung hoặc cấu trúc ngữ pháp, chú ý hỗ trợ SV trong quá trình sử dụng video và hạn chế những bất lợi của sử dụng video mang đến.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Nguyen, V. M. (2021), *Positive effects of video-based projects on the communicative English grammar lessons (Tác động tích cực của các dự án dựa trên video đối với các bài học ngữ pháp tiếng Anh giao tiếp)*. International Journal of Language and Literary Studies (Tạp chí Quốc tế về Nghiên cứu Ngôn ngữ và Văn học), 3(3), pp. 54-68.

[2] İlin, G., Kutlu, Ö., & Kutluay, A. (2013), *An action research: Using videos for teaching grammar in an ESP class (Nghiên cứu hành động: Sử dụng video để dạy ngữ pháp trong lớp tiếng Anh cho mục đích cụ thể ESP)*. Procedia Social and Behavioral Sciences (Khoa học Xã hội và Hành vi Procedia), No 70, pp. 272-281.

[3] Rustambekovna, A. F., & Adambayevna, K. I. (2020), *The effectiveness of applying video materials in communicative language teaching (Hiệu quả của việc áp dụng tài liệu video trong giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp)*. European Journal of Research and Reflection in Educational Sciences (Tạp chí Nghiên cứu và Phản ánh Châu Âu trong Khoa học Giáo dục), 8(2), Part II, pp. 108-115.

[4] Cam. L & Tran T. M. T (2017), *An evaluation of using games in Teaching English Grammar for first year English-Majored students at Dong Nai Technology University (Đánh giá sử dụng trò chơi trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho sinh viên năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)*. International Journal of Learning, Teaching and Educational Research (Tạp chí Quốc tế về Học tập, Giảng dạy và Nghiên cứu Giáo dục), 16 (7), pp. 55-71.

[5] Widodo, H. P. (2006), *Approaches and procedures for teaching grammar (Phương pháp và quy trình giảng dạy ngữ pháp)*. English Teaching: Practice and Critique (Giảng dạy Tiếng Anh: Thực hành và Phê bình), 5(1), pp. 122-141.

[6] Kurniawati, D. (2013), *The Effectiveness of Using YouTube Video in Teaching English Grammar Viewed from Students' Attitude (Hiệu quả của việc sử dụng video YouTube trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh nhìn từ thái độ của học sinh)*. English Education: Journal Tadris Bahasa Inggris (Giáo dục tiếng Anh: Tạp chí Tadris Bahasa Inggris), 5(1), pp. 52-65.

[7] Silalahi, I. N. S. B., & Halimi, S. S. (2020), *The use of video in teaching grammar to pre-secondary students (Việc sử dụng video trong giảng dạy ngữ pháp cho học sinh mầm non)*. International Review of Humanities Studies (Đánh giá Quốc tế về Nghiên cứu Nhân văn), 5(2), pp. 548-558.

[8] Ibrahim, M. (2013), *The Effectiveness of Video Presentation Techniques on Learning of Grammatical Structures among Senior Secondary School Students in Sokoto State, Nigeria (Hiệu quả của các kỹ thuật trình bày video đối với việc học cấu trúc ngữ pháp ở học sinh trung học phổ thông ở bang Sokoto, Nigeria)*. Journal of Education and Practice (Tạp chí Giáo dục và Thực hành), 4(16), pp. 201-210.

[9] Mufidah, N. (2017), *The impact of video-making activities on students' grammar mastery (Tác động của các hoạt động làm video đối với việc thành thạo ngữ pháp của học sinh)*. Journal Tarbiyah (Journal Ilmiah Kependidikan) (Tạp chí Tarbiyah (Tạp chí Ilmiah Kependidikan)), 6(1), pp. 75-84.

# NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO SINH VIÊN...

*Tiếp theo trang 109*

**3. Kết luận**

Bảo vệ chủ quyền quốc gia trên KGM là một cuộc chiến lâu dài và phức tạp, đòi hỏi sự tham gia của toàn xã hội, trong đó SV Luật đóng vai trò quan trọng. Việc nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức pháp luật và kỹ năng số, đồng thời tạo môi trường để SV Luật phát huy vai trò, là những giải pháp then chốt. Sự kết hợp giữa kiến thức pháp lý, kỹ năng công nghệ và ý thức trách nhiệm sẽ giúp SV Luật trở thành lực lượng tiên phong, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên KGM trong kỷ nguyên mới./.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Nguyễn Trọng Nghĩa (2021), *Quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng và bảo đảm an ninh mạng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 13-14.

[2] Trần Đại Quang (2017), *Không gian mạng tương lai và hành động*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, tr. 70.

[3] Nguyễn Văn Thành (2021), *Bàn về Chủ quyền quốc gia trên không gian mạng – Những yêu cầu bảo đảm các chỉ số an ninh, an toàn hiện nay,* Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 45-46.

[4] Lê Văn Lợi (2021), *Nâng cao ý thức làm chủ và bảo vệ không gian mạng của cán bộ Đảng viên hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 95.

[5] Thủy Diệu (2024), *Thế giới mất 8.000 tỷ USD vì tấn công mạng,* nguồn: https://vneconomy.vn/the-gioi-mat-8-000-ty-usd-vi-tan-cong-mang.htm?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 28/02/2025.

[6] Thành Luân (2019), *Việt Nam nằm trong top 3 quốc gia bị tấn công mạng nhiều nhất,* nguồn: https://thanhnien.vn/cong-nghe/viet-nam-nam-trong-top-3-quoc-gia-bi-tan-cong-mang-nhieu-nhat-1058542.html, truy cập ngày 28/02/2025.

[7] Nguyễn Mỹ Linh (2024), *Mỗi tháng có gần 1.200 vụ tấn công mạng vào các hệ thống tại Việt Nam,* nguồn: https://lsvn.vn/moi-thang-co-gan-1-200-vu-tan-cong-mang-vao-cac-he-thong-tai-viet-nam-1711790743-a142305.html, truy cập ngày 28/02/2025.

[8] Nguyễn Đức Hải (2024), *Đấu tranh, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng,* nguồn: https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/dau-tranh-bao-ve-chu-quyen-quoc-gia-tren-khong-gian-mang-798641, truy cập ngày 28/02/2025.

[9] Quốc Trường (2024), *Vai trò của thanh niên trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn an ninh mạng,* nguồn: https://www.nait.vn/cds/thanh-nien-la-nong-cot-di-dau-ve-chuyen-doi-so-bao-dam-an-toan-an-ninh-mang-747.html, truy cập ngày 26/02/2025.